

Số: 414/2022/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 25 tháng 05 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 438/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà N T M L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Nhà số C8/285 ấp 3, xã BL, huyện BC, Thành phố H.

Bị đơn: Ông V M H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Nhà số C8/285 ấp 3, xã BL, huyện BC, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 05 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 05 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà N T M L và ông V M H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 41 quyển số 01 của UBND xã BL, huyện BC, Thành phố H cấp ngày 06/07/2001 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà NTML và ông VMH thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Bà NTML và ông VMH cùng xác nhận có một (1) con chung tên V Q D, giới tính Nam, sinh ngày 16/09/2002 hiện đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết con chung.

- Về tài sản chung: Bà NTML và ông VMH cùng xác nhận tài sản chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung Bà NTML và ông VMH cùng xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà NTML và ông VMH mỗi bên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng).

Hai bên thỏa thuận bà NTML chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0040969 ngày 14 tháng 04 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC; bà L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND BC;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

AGV

